

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST  
Ngày: 22 - 6 - 2021  
V/v Tranh chấp dân sự về  
ranh giới quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Trung;
2. Ông Phạm Thiệt Khả.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Bảo Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2019, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2021/QĐST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960;

Địa chỉ cư trú: Ấp An P, xã An B, thị xã H (nay là khóm An P, phường An B, thành phố H), tỉnh Đồng Tháp.

***Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn Đ:*** Ông Nguyễn Quang B; cư trú tại khóm Đ, phường An T, thị xã (nay là thành phố) H, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 14/6/2019), (có mặt).

***- Bị đơn:*** Võ Thị S, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp An P, xã An B, thị xã H (nay là khóm An P, phường An B, thành phố H), tỉnh Đồng Tháp.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Võ Văn T (anh bà S), sinh năm 1963 (vắng mặt không lý do);
2. Võ Thị Y (em bà S), sinh năm 1970 (vắng mặt không lý do);

3. Võ Thị E (em bà S), sinh năm 1974 (vắng mặt không lý do);
4. Võ Thị L (em bà S), sinh năm 1975 (vắng mặt không lý do);
5. Võ Thị H (chị bà S), sinh năm 1958 (vắng mặt không lý do);

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm An P, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

6. Võ Thị N (chị bà S), sinh năm 1965 (vắng mặt không lý do);

Địa chỉ cư trú: Khóm An L, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

7. Võ Văn P (em bà S), sinh năm 1972 (vắng mặt không lý do);

Địa chỉ cư trú: Khóm Đ, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

8. Nguyễn Quang Đ1, sinh năm 1945 (vắng mặt có đơn);

Địa chỉ cư trú: Khóm An L, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

9. Võ Thị Y1 (em bà S, đã mất), sinh năm 1968;

Địa chỉ cư trú: Khóm An P, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Võ Thị Y1:* Dương Thị G (con bà Y1), sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Khóm An P, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt không lý do).

10. Lưu Văn H, sinh năm 1954 (vắng mặt không lý do);

11. Lưu Văn K, sinh năm 1978 (vắng mặt không lý do);

12. Lưu Thị C, sinh năm 1984 (vắng mặt không lý do);

13. Lưu Văn H1, sinh năm 1988 (vắng mặt không lý do);

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm An P, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ (do ông Nguyễn Quang B là người đại diện hợp pháp) trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là từ năm 1975 cho đến nay, cha của ông Đ và ông Nguyễn Văn Đ đã trực tiếp quản lý, sử dụng đất để cất nhà ở và đến năm 2016, ông Nguyễn Văn Đ được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; cuối tháng 4 năm 2019, căn nhà của ông Đ bị đột, hư hỏng nên ông Đ tháo dỡ căn nhà, làm đơn xin phép sửa chữa lại căn nhà và được Ủy ban nhân dân xã An B (nay là Ủy ban nhân dân phường An B) chấp thuận.

Ngày 02/5/2019, khi ông Đ mượn 04 người thợ chính và 08 người thợ phụ tiến hành sửa chữa căn nhà thì bà Võ Thị S đứng ra ngăn cản, không cho ông Đ

sửa chữa căn nhà, vì bà S cho rằng quyền sử dụng đất này là của bà S. Sau đó, bà S còn tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất với ông Đ, bà S chỉ ranh đất lần qua phần đất của ông Đ khoảng hai, ba mét ngang. Ranh đất giữa hai bên có một bức tường (bó nền) của bà Võ Thị H (chị ruột của bà S), nhưng hiện nay bà S chỉ qua phần đất của ông Đ với diện tích 37,6m<sup>2</sup> (trong đó, diện tích 30,4m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số: 1151, tờ bản đồ số: 22 do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích 7,2m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số: 348, tờ bản đồ số: 22 và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Quang B yêu cầu Hội đồng xét xử xác định lại ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Đ với bà Võ Thị S và bà Võ Thị H tại vị trí từ mốc số 01, mốc số 09 đến mốc số 02 theo Sơ đồ bổ sung mốc, chiều dài, diện tích, một phần thửa đất số 1151 và một phần thửa đất số 348, tờ bản đồ số 22, đề ngày 04 tháng 12 năm 2020 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Đồng Tháp đo vẽ; yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đ diện tích 7,2m<sup>2</sup> nói trên và di dời toàn bộ nhà tắm, vật, kiến trúc ra khỏi phần đất tranh chấp; yêu cầu Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì ông Nguyễn Văn Đ xin rút yêu cầu. Ngoài ra, ông Nguyễn Văn Đ không ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Trong tờ tường trình đề ngày 09 tháng 12 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là bà Võ Thị S trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha bà tên Võ Văn S1, sinh năm 1930 (chết năm 2015), mẹ bà tên Huỳnh Thị K, sinh năm 1932 (không nhớ năm chết). Cha mẹ bà chết để lại quyền sử dụng đất diện tích 289m<sup>2</sup>, ở bản đồ số 00826, quyết định 173/QĐ/UB cấp ngày 22/3/2000 do ông Lê Văn Bộ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự ký. Ông Nguyễn Văn Đ xây nhà trên phần đất của bà S nhiều năm chưa có lời cảm ơn, ông Đ còn chiếm thêm hơn 3m<sup>2</sup>, ông Đ dỡ nhà ra thì phải trả đất cho bà S, gia đình bà S can ngăn, ông Đ lại khiếu kiện đòi bồi thường là vô lý.

Khi ông Đ sửa chữa căn nhà, bà S không ngăn cản ai hết, nếu ông Đ xây nhà thì xây dựng bên đất ông Đ, bà S chỉ không cho ông Đ xây dựng trên đất của bà S.

Trên phần đất đang tranh chấp có một nhà tắm cất tạm bằng tôn, cây tạp, bà S là người có quyền quyết định nếu Tòa án xử đất của ông Đ thì bà S về tháo dỡ nhà tắm liền, không làm phiền cơ quan chức năng.

Qua yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ, bà Võ Thị S không thống nhất, vì đây là đất của bà S có quyền quyết định, các anh chị em của bà S cũng không có quyền quyết định, nên ông Đ không có quyền yêu cầu bà S trả lại đất và bà S cũng không ngăn cản ai cả nên bà S không thống nhất bồi thường và trả đất diện tích 37,6m<sup>2</sup> nêu trên.

Trong Bản khai đề ngày 20 tháng 8 năm 2020 của ông Nguyễn Quang Đ1 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quang Đ1 trình bày: Khoảng tháng 4 năm 1999, ông Đ1 có nhận chuyển nhượng đất của ông Bùi Văn Hiếu diện tích 4.280m<sup>2</sup>; năm 2004, ông Đ1 chuyển nhượng một phần đất cho Công ty may mặc Khang Thịnh, còn lại khoảng 100m<sup>2</sup>, ông Đ1 chuyển nhượng cho ông Đ diện tích chiều ngang 4,5 mét, chiều dài 7,5 mét, tổng diện tích 33,75m<sup>2</sup> với giá chuyển nhượng 5.000.000đồng giáp nhà cũ ông Đ về hướng đông (phía sau nhà ông Đ), (kèm theo giấy sang nhượng đất thổ cư vĩnh viễn đề ngày 16/6/2017).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có: Các ông, bà: Võ Văn T, Võ Thị Y, Võ Thị E, Võ Thị L, Võ Thị H, Võ Thị N, Võ Văn P, Dương Thị G, Lưu Văn H, Lưu Văn K, Lưu Thị C, Lưu Văn H1: Từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt và không có ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; công nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đ diện tích 7,2m<sup>2</sup> nói trên; đình chỉ xét xử yêu cầu về Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; ranh giới quyền sử dụng đất giữa các bên đương sự được xác định theo quy định của pháp luật.

Các đương sự đều khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị S phải trả lại quyền sử dụng đất, diện tích 37,6m<sup>2</sup> (trong đó, diện tích 30,4m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số: 1151, tờ bản đồ số: 22 do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích 7,2m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số: 348, tờ bản đồ số: 22, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và di dời toàn bộ nhà tắm, vật, kiến trúc ra khỏi phần đất tranh chấp; yêu cầu bà Võ Thị S phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, nhưng trong quá trình giải quyết thì ông Nguyễn Văn Đ thay đổi yêu cầu xác định lại ranh giới quyền sử dụng đất; xin rút lại yêu cầu về Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp dân sự về ranh giới quyền sử dụng đất được quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có: Các ông, bà: Võ Văn T, Võ Thị Y, Võ Thị E, Võ Thị L, Võ Thị H, Võ Thị N, Võ Văn P, Dương Thị G, Lưu Văn H, Lưu Văn K, Lưu Thị C, Lưu Văn H1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; ông Nguyễn Quang Đ1 có đơn đề

ngiht vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Qua xem xét, thẩm định tại chỗ đối với quyền sử dụng đất đang tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế là diện tích 37,6m<sup>2</sup> (trong đó, diện tích 30,4m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số: 1151, tờ bản đồ số: 22 do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích 7,2m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số: 348, tờ bản đồ số: 22 và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); trên phần đất tranh chấp có một số tài sản sau (kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) H, tỉnh Đồng Tháp); đồng thời, các bên đương sự cam kết chỉ khởi kiện tại Tòa án chứ không khiếu nại đến Cơ quan hành chính nào khác, căn cứ vào Điều 203 của Luật đất đai năm 2013, nên Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[4] Về hàng thừa kế của cụ Võ Văn S1, xét thấy Tòa án yêu cầu bà S cung cấp thông tin về họ tên năm sinh, địa chỉ của những người thuộc hàng thừa kế của cụ S1 nhưng bà S cố tình không hợp tác, không chịu cung cấp thông tin theo yêu cầu của Tòa án. Do đó, Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ có liên quan đến hàng thừa kế của cụ S1 để làm căn cứ giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà S thừa nhận hàng thừa kế của cụ S1 gồm những người liên quan mà Tòa án triệu tập, không còn người nào khác.

[5] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Ông Nguyễn Văn Đ đã trực tiếp quản lý, sử dụng đất, cất nhà ở và được Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 69m<sup>2</sup>, thửa đất số: 1151, tờ bản đồ số: 22 do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên và ông Nguyễn Văn Đ còn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Quang Đ1 diện tích 33,75m<sup>2</sup>, còn bà Võ Thị S khai ông Đ cất nhà lấn qua phần đất của bà S nên bà S không cho ông Đ cất nhà nhưng bà S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Đ cất nhà lấn qua đất của bà S; bà S có cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 289m<sup>2</sup>, thửa đất số: 348, tờ bản đồ số: 22 do hộ ông Võ Văn S1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 22/3/2000, tuy nhiên đến ngày 29/4/2011, Ủy ban nhân dân thị xã H ban hành Quyết định số: 55/QĐ-UBND, về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ Văn S1, ngụ xã An B, thị xã H (nay là phường An B, thành phố H), nội dung Quyết định như sau: *“Điều 1. Thu hồi và hủy thửa đất 348, tờ bản đồ số 22, diện tích 289m<sup>2</sup> thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00826QSDĐ/173/QĐ-UB ngày 22 tháng 3 năm 2000 cấp cho hộ ông Võ Văn S1, ngụ xã An B, thị xã H. Lý do: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Võ Văn S1 đã cấp sai quy định...”*. Như vậy, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Võ Văn S1 không còn giá trị pháp lý.

[6] Về quá trình sử dụng: Từ năm 1975 cho đến nay, cha của ông Đ và ông Nguyễn Văn Đ đã trực tiếp quản lý, sử dụng đất này, còn bà S không có quản lý, sử dụng đất này; đồng thời ranh giới quyền sử dụng đất giữa các bên đương sự,

thì bên nhà bà Võ Thị H (chị bà S) có bó nền nhà kiên cố giữa ranh đất của bà Võ Thị H với ranh đất của ông Nguyễn Văn Đ.

[7] Đối với quyền sử dụng đất diện tích 37,6m<sup>2</sup> (trong đó diện tích 30,4m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số: 1151, tờ bản đồ số: 22 do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; diện tích 7,2m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số: 348, tờ bản đồ số: 22 và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), xét thấy: Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Đ; giấy sang nhượng đất thổ cư vĩnh viễn ngày 16/6/2017 của ông Nguyễn Quang Đ1; từ năm 1975 đến nay, ông Nguyễn Văn Đ đã trực tiếp quản lý, sử dụng, ổn định quyền sử dụng đất này rất nhiều năm và được Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là Ủy ban nhân dân thành phố H) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đ diện tích 30,4m<sup>2</sup>, còn diện tích 7,2m<sup>2</sup>, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà Võ Thị S và anh chị em của bà S cũng không có xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất này với ông Nguyễn Văn Đ; bên cạnh đó, bà S cho rằng ông Đ mượn đất để cất nhà ở nhưng ông Đ không thừa nhận và ngược lại bà S cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông Đ mượn đất của bà S.

[8] Như vậy, ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông Nguyễn Văn Đ với đất của bà Võ Thị S, bà Võ Thị H là đường thẳng nối từ mốc số 01, mốc số 09 đến mốc số 02, đất tại khóm An P, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Ranh đất được quyền sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian, tài sản của hai bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật (kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) H; sơ đồ bổ sung mốc, chiều dài, diện tích, một phần thửa đất số 1151 và một phần thửa đất số 348, tờ bản đồ số 22 ngày 04 tháng 12 năm 2020 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Đồng Tháp đo vẽ).

[9] Các đương sự được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác lập thủ tục đăng ký, kê khai, điều chỉnh diện tích đất sử dụng thực tế để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với yêu cầu về Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, xét thấy: Nguyên đơn xin rút toàn bộ yêu cầu về Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[11] Đối với Đơn phản tố của bà Võ Thị S: Tòa án ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn phản tố nhưng bà Võ Thị S không sửa chữa, bổ sung nên Tòa án đã ra thông báo trả lại đơn phản tố theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nội dung đơn phản tố là bà S cho rằng ông Đ bao chiếm đất bà S (phần đất này cũng nằm trong đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ). Do đó, Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[12] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn Đ là có chứng cứ vững chắc, nên chấp nhận.

[13] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; công nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đ diện tích 7,2m<sup>2</sup> nói trên; đình chỉ xét xử yêu cầu về Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo quy định của pháp luật là có chứng cứ, nên chấp nhận.

[14] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 và khoản 9 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà Võ Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng; các đương sự khác đều không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[15] Xét về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu chi phí này, nhưng ông Nguyễn Văn Đ đã tạm ứng chi phí tổng cộng 2.592.000đồng đã nộp và chi xong; bà Võ Thị S phải chịu toàn bộ chi phí này nên bà Võ Thị S phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 2.592.000đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 166, 175 và 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 4, 13, 14, 21, 26, 99, 100, 101, 105, 106, 166, 170 và 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 2 và khoản 9 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của nguyên đơn.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xác định ranh giới quyền sử dụng đất.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông Nguyễn Văn Đ với đất của bà Võ Thị S, bà Võ Thị H là đường thẳng nối từ mốc số 01, mốc số 09 đến mốc số 02, đất tại khóm An P, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Ranh đất được quyền sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian, tài sản của hai bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật (kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) H; sơ đồ bổ sung mốc, chiều dài, diện tích, một phần thửa đất số 1151 và một phần thửa đất số 348, tờ bản đồ số 22, đề

ngày 04 tháng 12 năm 2020 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Đồng Tháp đo vẽ).

Các bên đương sự có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác lập thủ tục đăng ký, kê khai, điều chỉnh diện tích đất sử dụng thực tế để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Công nhận cho ông Nguyễn Văn Đ quyền sử dụng đất diện tích 7,2m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số: 348, tờ bản đồ số: 22, trong phạm vi các mốc 2, 3, 10, 9 và trở về mốc 2, đất tọa lạc tại khóm An P, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Văn Đ có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác lập thủ tục đăng ký, kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 7,2m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số: 348, tờ bản đồ số: 22, trong phạm vi các mốc 2, 3, 10, 9 và trở về mốc 2, đất tọa lạc tại khóm An P, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) H; sơ đồ bổ sung mốc, chiều dài, diện tích, một phần thửa đất số 1151 và một phần thửa đất số 348, tờ bản đồ số 22, đề ngày 04 tháng 12 năm 2020 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Đồng Tháp đo vẽ).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do ông Nguyễn Quang B nộp thay theo biên lai số: 0007445 ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) H, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Võ Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

Các ông, bà: Võ Văn T, Võ Thị Y, Võ Thị E, Võ Thị L, Võ Thị H, Võ Thị N, Võ Văn P, Nguyễn Quang Đ1, Dương Thị G, Lưu Văn H, Lưu Văn K, Lưu Thị C, Lưu Văn H1 đều không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá:

Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu chi phí này, nhưng ông Nguyễn Văn Đ đã tạm ứng chi phí tổng cộng 2.592.000đồng (hai triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng) đã nộp và chi xong;

Bà Võ Thị S phải chịu toàn bộ chi phí này nên bà Võ Thị S phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 2.592.000đồng (hai triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 22 tháng 6 năm 2021). Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt theo quy định.



Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Trung**